

THÔNG BÁO

**Về việc nộp học phí kỳ 1 năm học 2025-2026
trình độ đại học hệ chính quy khoá 57, 58, 59, 60**

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực đào tạo;

Căn cứ Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 995/QĐ-ĐHSP ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định mức thu học phí năm học 2023-2024; mức thu học phí từ năm học 2024-2025 đến năm học 2026-2027 của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên và Quyết định số 1053/QĐ-ĐHSP ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên về việc đính chính thông tin tại Quyết định số 995/QĐ-ĐHSP ngày 25 tháng 4 năm 2024.

Thực hiện kế hoạch thu học phí kỳ 1 năm học 2025-2026, Trường thông báo việc nộp học phí kỳ 1 năm học 2025-2026 trình độ đại học chính quy khóa 57, 58, 59, 60 (Có danh sách kèm theo) như sau:

1. Kế hoạch thu

Ngày 04/11/2025, Trường sẽ đưa danh sách và số học phí kỳ 1 năm học 2025-2026 của sinh viên vào phần mềm quản lý đào tạo (IU) để sinh viên tra cứu và chủ động nộp học phí qua ứng dụng VietinBankiPay.

2. Tổ chức thực hiện

Trường đề nghị Trường các khoa, Trường các phòng liên quan thông báo đầy đủ đến sinh viên được biết và đôn đốc sinh viên thực hiện nộp theo quy định.

Trường yêu cầu sinh viên có tên trong danh sách nghiêm túc thực hiện thông báo này. Sinh viên chưa hoàn thành các khoản nợ học phí trên IU sẽ không được đăng ký học các học kỳ tiếp theo.

Nơi nhận: *Cum*

- Hiệu trưởng (để b/c);
- Các đơn vị trong Trường;
- VietinBank TN (phối hợp th/h);
- Website Trường;
- Lưu: VT, KH-TC (03).

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Từ Quang Tân

DANH SÁCH SINH VIÊN KHOÁ 57 PHẢI NỘP HỌC PHÍ KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026 DO KHÔNG NHẬN HỖ TRỢ THEO NGHỊ ĐỊNH 116/NĐ-CP

- Căn cứ theo QĐ 995/QĐ-ĐHSP ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN về việc Ban hành Quy định điều chỉnh mức thu học phí năm học 2023-2024; mức thu học phí từ năm học 2024-2025 đến năm học 2026-2027 của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành học	Mức HP/ tháng	Số tháng	Số Học phí phải nộp	Số HP được miễn giảm	Số học phí còn phải nộp kỳ 1 NH 2025-2026	Ghi chú
1	DTS225D1402190010	Nông Thị Thu Hà	01/03/2004	Địa Lý K57	1.590.000	5	7.950.000	5.565.000	2.385.000	QĐ 660 ngày 11/3/2025 giảm HP kỳ 2 NH 2024-2025; kỳ 1 NH 2025-2026 (miễn giảm 70%)
2	DTS225D1402190035	Nông Thùy Tiên	22/06/2004	Địa Lý K57	1.590.000	-	-		-	QĐ 523 ngày 14/3/2023Thôi học
3	DTS225D1402190040	Nguyễn Võ Vinh	29/01/2003	Địa Lý K57	1.590.000	-	-		-	QĐ 2506 ngày 15/8/2023Thôi học
4	DTS225D140249003	Đào Thị Phương Anh	27/09/2004	Địa Lý K57	1.590.000	-	-		-	QĐ 517 ngày 10/3/2023 - Thôi học
5	DTS225D140205005	Vũ Ngọc Đức	26/06/2003	GD Chính trị K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
6	DTS225D1402050028	Trịnh Quỳnh Trang	25/10/2004	GD Chính trị K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
7	DTS225D1402010070	Dương Thị Hương	17/12/2003	GD Mầm non K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
8	DTS225D14020100116	Nguyễn Lệ Nhung	10/12/2004	GD Mầm non K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
9	DTS225D14020100125	Triệu Thị Ánh Quyên	30/10/2004	GD Mầm non K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
10	DTS225D14020100155	Đàm Thị Thu Trang	18/01/2004	GD Mầm non K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
11	DTS225D1402010039	Sầm Thị Hà Giang	09/03/2004	GD Mầm non K57	1.590.000	5	7.950.000	5.565.000	2.385.000	QĐ 660 ngày 11/3/2025 giảm học phí kỳ 2 NH 2024-2025; kỳ 1 NH 2025-2026 (giảm 70%)
12	DTS225D14020100156	Lò Thị Trang	28/03/2004	GD Mầm non K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
13	DTS225D14020200122	Trương Bảo Ngọc	27/08/2004	GD Tiểu học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
14	DTS225D14020200166	Vương Phương Thảo	30/06/2004	GD Tiểu học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
15	DTS225D1402020082	Nguyễn Thị Huyền	15/10/2003	GD Tiểu học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
16	DTS225D1402020094	Ngô Thùy Linh	01/01/2004	GD Tiểu học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
17	DTS225D1402020097	Nguyễn Khánh Linh	12/06/2004	GD Tiểu học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
18	DTS225D14020200100	Nguyễn Thị Khánh Linh	29/07/2004	GD Tiểu học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
19	DTS225D14020200112	Phạm Thảo My	10/08/2004	GD Tiểu học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
20	DTS225D14020200109	Phan Hà My	22/05/2004	GD Tiểu học K57	1.590.000	-	-		-	QĐ 323 ngày 01/2/2024Thôi học
21	DTS225D14020200118	Trần Thị Thanh Ngân	02/09/2004	GD Tiểu học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
22	DTS225D1402020086	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	31/01/2004	GD Tiểu học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	



[Handwritten signatures and initials]

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành học	Mức HP/ tháng	Số tháng	Số Học phí phải nộp	Số HP được miễn giảm	Số học phí còn phải nộp kỳ 1 NH 2025-2026	Ghi chú
23	DTS225D14020200155	Nguyễn Thúy Thành	24/05/2004	GD Tiểu học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
24	DTS225D1402020065	Ma Thị Hiền	16/12/2003	GD Tiểu học K57	1.590.000	5	7.950.000	5.565.000	2.385.000	QĐ 660 ngày 11/3/2025 giảm HP kỳ 2 NH 2024-2025; kỳ 1 NH 2025-2026 (miễn giảm 70%)
25	DTS225D14020200147	Nguyễn Như Quỳnh	12/03/2003	GD Tiểu học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
26	DTS225D14020200150	Lê Thị Thanh Tâm	08/07/2004	GD Tiểu học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
27	DTS225D14020200177	Nguyễn Thu Thùy	26/03/2004	GD Tiểu học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
28	DTS225D140212002	Phạm Vũ Thế Anh	19/10/2004	Hóa Học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
29	DTS225D1402120010	Nguyễn Thị Kim Liên	02/08/2004	Hóa Học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
30	DTS225D1402120012	Trần Thị Mỹ Linh	02/07/2004	Hóa Học K57	1.590.000	5	7.950.000	5.565.000	2.385.000	QĐ 660 ngày 11/3/2025 giảm HP kỳ 2 NH 2024-2025; kỳ 1 NH 2025-2026 (miễn giảm 70%)
31	DTS225D140231003	Lê Tuyết Anh	16/02/2004	SP TA K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
32	DTS225D1402310047	Đinh Thị Ngọc	16/01/2004	SP TA K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
33	DTS225D1402310057	Nguyễn Hải Phong	14/12/2004	SP TA K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
34	DTS225D1402310018	Nguyễn Thu Hà	15/07/2004	SP TA K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
35	DTS225D1402310016	Phạm Ngọc Hà	06/03/2004	SP TA K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
36	DTS225D1402310046	Nguyễn Bảo Ngọc	11/12/2002	SP TA K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
37	DTS225D1402310050	Thái Bá Lê Nguyên	13/12/2004	SP TA K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
38	DTS225D1402310074	Đào Thị Nam Thảo	28/09/2004	SP TA K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
39	DTS225D1402310072	Nguyễn Thị Thảo	05/11/2003	SP TA K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
40	DTS225D1402310088	Dương Thảo Vy	30/07/2004	SP TA K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	QĐ 2228 ngày 30/7/2025 bảo lưu từ 11/8/2025-11/8/2026
41	DTS225D1402170043	Tạ Thanh Lam	14/01/2004	Ngữ Văn K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
42	DTS225D1402170081	Đinh Thị Thúy Quỳnh	03/09/2004	Ngữ Văn K57	1.590.000	-	-		-	QĐ 851 ngày 24/4/2023 Thôi học
43	DTS225D1402170016	Hoàng Ngọc Giáp	10/05/2004	Ngữ Văn K57	1.590.000	-	-		-	QĐ 1522 ngày 20/6/2023 Thôi học
44	DTS225D1402170044	Nguyễn Thị Thanh Lan	01/09/2004	Ngữ Văn K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
45	DTS225D1402170054	Đàm Thị Mai	25/01/2004	Ngữ Văn K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
46	DTS225D1402170056	Nguyễn Phương Mai	08/11/2004	Ngữ Văn K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
47	DTS225D1402170098	Ma Thị Bích Vân	24/06/2003	Ngữ Văn K57	1.590.000	-	-		-	QĐ 1815 ngày 17/7/2023 Thôi học
48	DTS225D1402470019	Trần Thị Thùy Linh	02/12/2004	Sinh học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
49	DTS225D1402470060	Nguyễn Đức Thắng	25/07/2004	Sinh học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành học	Mức HP/ tháng	Số tháng	Số Học phí phải nộp	Số HP được miễn giảm	Số học phí còn phải nộp kỳ 1 NH 2025-2026	Ghi chú
50	DTS225D1402470044	Bùi Thị Minh Thư	06/10/2004	Sinh học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
51	DTS225D1402470049	Trần Văn Tuấn	17/03/2004	Sinh học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
52	DTS225D1402470050	Nguyễn Anh Vũ	14/02/2004	Sinh học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
53	DTS225D1402100037	Vũ Hồng Nhung	03/06/2003	Toán học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
54	DTS225D1402100051	Dương Thanh Thủy	21/06/2003	Toán học K57	1.590.000	-	-		-	QB 757 ngày 05/4/2024 Thôi học
55	DTS225D1402090017	Nguyễn Tiến Đạt	15/12/2004	Toán học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
56	DTS225D1402090027	Nguyễn Thị Thu Hằng	18/07/2004	Toán học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
57	DTS225D1402090081	Phạm Chu Quyền	20/09/2004	Toán học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
58	DTS225D1402090080	Lục Vinh Quang	03/02/2004	Toán học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
59	DTS225D1402110020	Nguyễn Ngọc Anh	16/11/2003	Vật Lý K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
60	DTS225D140211004	Nguyễn Bá Hiếu	23/03/2001	Vật Lý K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
61	DTS225D1402110013	Nguyễn Ngọc Minh	28/06/2004	Vật Lý K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
	CỘNG						421.350.000	22.260.000	399.090.000	

Số tiền bằng chữ: *Ba trăm chín mươi chín triệu không trăm chín mươi ngàn đồng chẵn.*

NGƯỜI LẬP

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

Ngày 29 tháng 10 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Thị Thanh Vân

PGS.TS Dương Ngọc Toàn

PGS.TS Nguyễn Thanh Bình

PGS.TS Từ Quang Tân



DANH SÁCH SINH VIÊN KHOÁ 57 PHẢI NỘP HỌC PHÍ KỲ 1- NĂM HỌC 2025-2026 (KHOA TÂM LÝ GIÁO DỤC)

- Căn cứ theo QĐ 995/QĐ-ĐHSP ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN về việc Ban hành Quy định điều chỉnh mức thu học phí năm học 2023-2024; mức thu học phí từ năm học 2024-2025 đến năm học 2026-2027 của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành học	Mức HP/ tháng	Số tháng	Số Học phí phải nộp	Số HP được miễn giảm	Số học phí còn phải nộp kỳ 1 NH 2025-2026	Ghi chú
1	DTS225D1401010039	Nông Thị Linh Chi	06/10/2004	Giáo dục học K57	1.590.000	5	7.950.000	7.950.000	-	QĐ 660 ngày 11/3/2025 miễn học phí kỳ 2 NH 2024-2025; kỳ 1 NH 2025-2026
2	DTS225D1401010038	Lò Thị Diên	13/11/2004	Giáo dục học K57	1.590.000	-	-		-	QĐ 412 ngày 21/2/2024 Xóa tên
3	DTS225D140101003	Vũ Hoàng Đan	02/11/2004	Giáo dục học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
4	DTS225D1401010010	Trần An Huyền	09/08/2004	Giáo dục học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
5	DTS225D1401010037	Tổng Khánh Linh	05/01/2004	Giáo dục học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
6	DTS225D1401010012	Trần Thị Linh	20/08/2004	Giáo dục học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
7	DTS225D1401010013	Trịnh Viêt Long	13/02/2003	Giáo dục học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
8	DTS225D1401010036	Lý Thị Ngọc	29/10/2004	Giáo dục học K57	1.590.000	-	-		-	QĐ 1012 ngày 15/5/2023 Xóa tên
9	DTS225D1401010017	Bùi Thảo Phương	03/05/2004	Giáo dục học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
10	DTS225D1401010019	Vương Thị Quyên	14/06/2004	Giáo dục học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
11	DTS225D1401010020	Nguyễn Thị Diễm Quỳnh	02/01/2004	Giáo dục học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
12	DTS225D1401010021	Nguyễn Thúy Quỳnh	16/06/2004	Giáo dục học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
13	DTS225D1401010022	Nguyễn Thị Thanh	25/09/2003	Giáo dục học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
14	DTS225D1401010024	Vũ Phương Thảo	28/10/2004	Giáo dục học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
15	DTS225D1401010025	Thắm Kỳ Thi	14/06/2004	Giáo dục học K57	1.590.000	-	-		-	QĐ 3592 ngày 24/10/2023 Xóa tên
16	DTS225D1401010027	Lê Phương Thủy	06/07/2002	Giáo dục học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
17	DTS225D1401010030	Đỗ Thành Trung	16/12/2004	Giáo dục học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
18	DTS225D1401010034	Đinh Thị Hải Yến	02/06/2004	Giáo dục học K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
19	DTS225D3104030019	Ngô Thị Mai Anh	30/05/2004	Tâm lý học giáo dục K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	



Quản lý

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành học	Mức HP/ tháng	Số tháng	Số Học phí phải nộp	Số HP được miễn giảm	Số học phí còn phải nộp kỳ 1 NH 2025-2026	Ghi chú
20	DTS225D310403002	Luân Thị Hoa	25/10/2004	Tâm lý học giáo dục K57	1.590.000	5	7.950.000	7.950.000	-	QĐ 660 ngày 11/3/2025 miễn học phí kỳ 2 NH 2024-2025; kỳ 1 NH 2025-2026
21	DTS225D310403003	Lưu Thu Hoài	19/02/2004	Tâm lý học giáo dục K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
22	DTS225D310403005	Ngô Thị Hương	18/07/2004	Tâm lý học giáo dục K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
23	DTS225D310403006	Đỗ Kiều Liên	30/07/2004	Tâm lý học giáo dục K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
24	DTS225D3104030010	Nguyễn Hoàng Hà My	17/08/2004	Tâm lý học giáo dục K57	1.590.000	-	-		-	QĐ 2227 ngày 10/7/2025 thôi học
25	DTS225D3104030011	Nguyễn Thủy Ngân	25/03/2004	Tâm lý học giáo dục K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
26	DTS225D3104030013	Nguyễn Thị Ngọc	30/08/2004	Tâm lý học giáo dục K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
27	DTS225D3104030012	Vũ Thị Ánh Ngọc	18/01/2004	Tâm lý học giáo dục K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
28	DTS225D3104030016	Nguyễn Cao Thái	26/03/2004	Tâm lý học giáo dục K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
29	DTS225D3104030018	Phạm Ngọc Tố Uyên	04/07/2004	Tâm lý học giáo dục K57	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
	CỘNG						198.750.000	15.900.000	182.850.000	

Số tiền bằng chữ: Một trăm tám mươi hai triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng chẵn.

NGƯỜI LẬP

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

Ngày 29 tháng 10 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Trịnh Thị Thanh Vân

PGS.TS Dương Ngọc Toàn

PGS.TS Nguyễn Thanh Bình



PGS.TS Từ Quang Tân

DANH SÁCH SINH VIÊN KHOÁ 58 PHẢI NỘP HỌC PHÍ KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026 DO KHÔNG NHẬN HỖ TRỢ THEO NGHỊ ĐỊNH 116/NĐ-CP

- Căn cứ theo QĐ 995/QĐ-ĐHSP ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN về việc Ban hành Quy định điều chỉnh mức thu học phí năm học 2023-2024; mức thu học phí từ năm học 2024-2025 đến năm học 2026-2027 của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành học	Mức HP/ tháng	Số tháng	Số Học phí phải nộp	Số HP được miễn giảm	Số học phí còn phải nộp kỳ 1 NH 2025-2026	Ghi chú
1	A	B	C	D	2	3	4=2*3	5	6=4-5	E
1	DTS235D140201063	Nguyễn Thị Hồng	31/07/2005	GD Mầm non K58C	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
2	DTS235D140201174	Hoàng Thanh Thủy	12/09/2005	GD Mầm non K58C	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
3	DTS235D140201087	Lý Mây Liềm	13/09/2004	GD Mầm non K58C	1.590.000	5	7.950.000	7.950.000	-	QĐ 660 ngày 11/3/2025 miễn học phí kỳ 2 NH 2024-2025 và kỳ 1 NH 2025-2026
4	DTS235D140202114	Doãn Thùy Linh	14/11/2005	GD Tiểu học K58 định hướng CLC	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
5	DTS235D140202004	Nguyễn Phương Anh	23/02/2003	GD Tiểu học K58A	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
6	DTS235D140202071	Đinh Mỹ Hạnh	08/10/2005	GD Tiểu học K58A	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
7	DTS235D140202135	Nguyễn Thị Thanh Mai	17/09/2005	GD Tiểu học K58A	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
8	DTS235D140202191	Ngô Thu Thủy	17/03/2005	GD Tiểu học K58A	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
9	DTS235D140202153	Nguyễn Thị Hà Nhi	19/11/2005	GD Tiểu học K58B	1.590.000	5	7.950.000	-	7.950.000	
10	DTS235D140202079	Nguyễn Thu Hiền	27/06/2005	GD Tiểu học K58C	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
11	DTS235D140202102	Nguyễn Thị Thu Huyền	21/06/2005	GD Tiểu học K58C	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
12	DTS235D140202126	Dương Ánh Linh	12/12/2005	GD Tiểu học K58C	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
13	DTS235D140202120	Nguyễn Thị Ngọc Linh	06/11/2005	GD Tiểu học K58C	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
14	DTS235D140202169	Bùi Minh Quân	24/06/2005	GD Tiểu học K58C	1.590.000		-		-	QĐ 331 ngày 02/2/2024 thôi học
15	DTS235D140219012	Chu Quỳnh Hương	08/05/2004	SP Địa lý K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
16	DTS235D140249032	Nông Như Huệ	01/03/2005	SP Lịch sử - Địa lý K58	1.590.000		-		-	QĐ 327 ngày 01/2/2024 Thôi học
17	DTS235D140249037	Nguyễn Hồng Kiều	04/02/2004	SP Lịch sử - Địa lý K58	1.590.000	5	7.950.000	3.975.000	3.975.000	QĐ 660 ngày 11/3/2025 giảm học phí 50% kỳ 2 NH 2024-2025 và kỳ 1 NH 2025-2026
18	DTS235D140249039	Cà Thị Lan	10/11/2005	SP Lịch sử - Địa lý K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
19	DTS235D140212017	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	30/01/2005	SP Hóa học K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	



Nguyễn Văn B

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành học	Mức HP/ tháng	Số tháng	Số Học phí phải nộp	Số HP được miễn giảm	Số học phí còn phải nộp kỳ 1 NH 2025-2026	Ghi chú
20	DTS235D140212018	Nguyễn Thị Lan Phương	11/12/2005	SP Hóa học K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
21	DTS235D140247002	Lê Thị Quỳnh Anh	11/12/2005	SP Khoa học tự nhiên K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
22	DTS235D140247004	Phạm Đức Anh	15/03/2004	SP Khoa học tự nhiên K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
23	DTS235D140247011	Trương Thị Hải	04/10/2005	SP Khoa học tự nhiên K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
24	DTS235D140247046	Nguyễn Kiến Quốc	26/09/2005	SP Khoa học tự nhiên K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
25	DTS235D140247047	Nguyễn Thị Hà Quyền	01/11/2005	SP Khoa học tự nhiên K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
26	DTS235D140247051	Đào Phương Thảo	13/01/2005	SP Khoa học tự nhiên K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
27	DTS235D140247054	Ngô Huyền Trang	15/06/2004	SP Khoa học tự nhiên K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
28	DTS235D140217032	Nguyễn Bùi Ngọc Khánh	07/11/2005	SP Ngữ văn K58B	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
29	DTS235D140217042	Nguyễn Hà My	25/09/2005	SP Ngữ văn K58B	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
30	DTS235D140213005	Hà Thị Minh Ánh	24/07/2005	SP Sinh học K58	1.590.000		-		-	QĐ 338 ngày 02/2/2024 Thối học
31	DTS235D140213032	Đào Thị Hải Yến	22/10/2005	SP Sinh học K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
32	DTS235D140213023	Nguyễn Thị Trà My	19/01/2005	SP Sinh học K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
33	DTS235D140231003	Hà Duy Anh	15/02/2005	SP Tiếng Anh K58A	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
34	DTS235D140231035	Cần Thanh Hiền	10/04/2005	SP Tiếng Anh K58A	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
35	DTS235D140231045	Ngô Ngọc Hương	25/02/2005	SP Tiếng Anh K58A	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
36	DTS235D140231052	Ngô Thị Thùy Linh	07/10/2005	SP Tiếng Anh K58A	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
37	DTS235D140231082	Hà Thu Trang	16/09/2005	SP Tiếng Anh K58A	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
38	DTS235D140231014	Phạm Thị Ánh	13/01/2005	SP Tiếng Anh K58B	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
39	DTS235D140231079	Nguyễn Thị Hương Thảo	22/10/2005	SP Tiếng Anh K58B	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
40	DTS235D140209052	Nguyễn Hoàng Ngân	07/11/2005	SP Toán học K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
41	DTS235D140209031	Vũ Đức Kiên	03/10/2005	SP Toán học K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
42	DTS235D140210019	Nguyễn Tùng Dương	02/10/2005	SP Tin học K58	1.590.000		-		-	QĐ 136 ngày 15/01/2024 xóa tên
43	DTS235D140211004	Nguyễn Ngọc Diệp	10/05/2005	SP Vật lý K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành học	Mức HP/ tháng	Số tháng	Số Học phí phải nộp	Số HP được miễn giảm	Số học phí còn phải nộp kỳ I NH 2025-2026	Ghi chú
44	DTS235D140211007	Nguyễn Thị Hà	20/09/2005	SP Vật lý K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
45	DTS235D140211024	Nguyễn Thị Thảo	16/03/2005	SP Vật lý K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
46	DTS235D140219022	Đỗ Thị Kim Nga	24/08/2005	SP Địa lý K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
	CỘNG						333.900.000	11.925.000	321.975.000	

Số tiền bằng chữ: Ba trăm hai mươi một triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng chẵn.

Ngày 29 tháng 10 năm 2025

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG CT SINH VIÊN

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG







Trịnh Thị Thanh Vân

PGS.TS Dương Ngọc Toàn

PGS.TS Nguyễn Thanh Bình

PGS.TS Từ Quang Tân

DANH SÁCH SINH VIÊN KHOÁ 58 PHẢI NỘP HỌC PHÍ KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026 (KHOA TÂM LÝ GIÁO DỤC)

- Căn cứ theo QĐ 995/QĐ-ĐHSP ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN về việc Ban hành Quy định điều chỉnh mức thu học phí năm học 2023-2024; mức thu học phí từ năm học 2024-2025 đến năm học 2026-2027 của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành học	Mức HP/ tháng	Số tháng	Số Học phí phải nộp	Số HP được miễn giảm	Số học phí còn phải nộp kỳ 1 NH 2025-2026	Ghi chú
1	DTS235D140101003	Lê Ngọc Anh	10/06/2005	Giáo dục học K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
2	DTS235D140101001	Nguyễn Thị Lan Anh	10/12/2005	Giáo dục học K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
3	DTS235D140101004	Phạm Quang Anh	21/07/2005	Giáo dục học K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
4	DTS235D140101007	Nguyễn Thị Mai Chi	26/02/2005	Giáo dục học K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
5	DTS235D140101010	Lê Thị Trà Giang	31/01/2005	Giáo dục học K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
6	DTS235D140101020	Nguyễn Khánh Huyền	11/12/2005	Giáo dục học K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
7	DTS235D140101019	Nguyễn Thị Huyền	09/11/2005	Giáo dục học K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
8	DTS235D140101018	Vi Thị Thu Huyền	17/05/2005	Giáo dục học K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
9	DTS235D140101021	Nguyễn Lê Minh Khôi	17/06/2004	Giáo dục học K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
10	DTS235D140101023	Phạm Tú Linh	21/09/2005	Giáo dục học K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
11	DTS235D140101027	Mai Lưu Ly	27/09/2005	Giáo dục học K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
12	DTS235D140101030	Điền Thị Kim Nguyệt	06/07/2005	Giáo dục học K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
13	DTS235D140101031	Hoàng Thảo Nhi	30/04/2005	Giáo dục học K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
14	DTS235D140101039	Đào Minh Thuận	10/12/2005	Giáo dục học K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
15	DTS235D140101042	Trần Thu Trang	29/09/2005	Giáo dục học K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
16	DTS235D140101046	Trạc Văn Tùng	03/09/2004	Giáo dục học K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
17	DTS235D310403001	Phùng Thị Ngọc Ánh	13/05/2005	Tâm lý học GD K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
18	DTS235D310403003	Vũ Ngọc Ánh	09/06/2005	Tâm lý học GD K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
19	DTS235D310403008	Trần Thị Hải Dương	19/12/2005	Tâm lý học GD K58	1.590.000	5	7.950.000	3.975.000	3.975.000	QĐ 660 ngày 11/3/2025 giảm học phí 50% kỳ 2 NH 2024-2025 và kỳ 1 NH 2025-2026

Chức vụ



STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành học	Mức HP/ tháng	Số tháng	Số Học phí phải nộp	Số HP được miễn giảm	Số học phí còn phải nộp kỳ 1 NH 2025-2026	Ghi chú
20	DTS235D310403006	Long Thành Đạt	07/04/2005	Tâm lý học GD K58	1.590.000	5	7.950.000	5.565.000	2.385.000	QĐ 660 ngày 11/3/2025 giảm học phí 70% kỳ 2 NH 2024-2025 và kỳ 1 NH 2025-2026 (giảm 70%)
21	DTS235D310403009	Hồ Đàm Hương Giang	01/07/2005	Tâm lý học GD K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
22	DTS235D310403011	Trần Thị Thu Hà	23/05/2005	Tâm lý học GD K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
23	DTS235D310403014	Hoàng Ngọc Hồng Hạnh	24/10/2005	Tâm lý học GD K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
24	DTS235D310403013	Triệu Mỹ Hạnh	06/11/2005	Tâm lý học GD K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
25	DTS235D310403017	Triệu Thị Huệ	03/06/2005	Tâm lý học GD K58	1.590.000	5	7.950.000	7.950.000	-	QĐ 660 ngày 11/3/2025 miễn học phí kỳ 2 NH 2024-2025 và kỳ 1 NH 2025-2026
26	DTS235D310403019	Nguyễn Quang Huy	20/07/2005	Tâm lý học GD K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
27	DTS235D310403020	Nguyễn Thu Huyền	18/04/2005	Tâm lý học GD K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
28	DTS235D310403022	Chu Phương Linh	22/08/2005	Tâm lý học GD K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
29	DTS235D310403023	Vũ Diệu Linh	14/06/2005	Tâm lý học GD K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
30	DTS235D310403025	Đỗ Ngọc Loan	18/11/2005	Tâm lý học GD K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
31	DTS235D310403024	Lưu Thị Quỳnh Loan	03/08/2005	Tâm lý học GD K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
32	DTS235D310403027	Chu Thị Thanh Nga	13/09/2005	Tâm lý học GD K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
33	DTS235D310403028	Nguyễn Thu Ngân	30/09/2005	Tâm lý học GD K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
34	DTS235D310403029	Nguyễn Hà Phương	05/12/2005	Tâm lý học GD K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
35	DTS235D310403030	Vũ Thị Thu Phương	20/10/2005	Tâm lý học GD K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
36	DTS235D310403031	Lê Hải Quân	10/12/2005	Tâm lý học GD K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
37	DTS235D310403033	Bùi Thị Phương Thảo	17/07/2005	Tâm lý học GD K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
38	DTS235D310403032	Hoàng Thị Thảo	18/11/2005	Tâm lý học GD K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
39	DTS235D310403035	Vy Thị Minh Thùy	21/11/2005	Tâm lý học GD K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	

Đỗ Thị Thu Hà

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành học	Mức HP/ tháng	Số tháng	Số Học phí phải nộp	Số HP được miễn giảm	Số học phí còn phải nộp kỳ 1 NH 2025-2026	Ghi chú
40	DTS235D310403038	Nguyễn Hoàng Tuyết	06/03/2005	Tâm lý học GD K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
41	DTS235D310403040	Nguyễn Thị Vui	07/03/2005	Tâm lý học GD K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
42	DTS235D310403041	Nguyễn Bình Vương	27/04/2005	Tâm lý học GD K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
43	DTS235D310403043	Nguyễn Thảo Vy	17/09/2005	Tâm lý học GD K58	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
	CỘNG						341.850.000	17.490.000	324.360.000	

Số tiền bằng chữ: Ba trăm hai mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn.

NGƯỜI LẬP



Trinh Thị Thanh Vân

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN



PGS.TS Dương Ngọc Toàn

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH



PGS.TS Nguyễn Thanh Bình

Ngày 29 tháng 10 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Từ Quang Tân

DANH SÁCH SINH VIÊN KHOÁ 59 PHẢI NỘP HỌC PHÍ KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026 DO KHÔNG NHẬN HỖ TRỢ THEO NGHỊ ĐỊNH 116/NĐ-CP

- Căn cứ theo QĐ 995/QĐ-ĐHSP ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN về việc Ban hành Quy định điều chỉnh mức thu học phí năm học 2023-2024; mức thu học phí từ năm học 2024-2025 đến năm học 2026-2027 của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành học	Mức HP/ tháng	Số tháng	Số Học phí phải nộp	Số HP được miễn giảm	Số học phí còn phải nộp kỳ 1 NH 2025-2026	Ghi chú
1	A	B	C	D	2	3	4=2*3	5	6=4-5	E
1	DTS245D140205001	Nguyễn Ngọc Ánh	05/12/2006	GD Chính trị K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
2	DTS245D140205002	Nguyễn Linh Chiêu	23/08/2006	GD Chính trị K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
3	DTS245D140205011	Dương Khánh Huyền	16/09/2006	GD Chính trị K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
4	DTS245D140201222	Nguyễn Thị Hồng Vân	02/08/2006	GD Mầm non K59C	1.590.000	5	7.950.000	7.950.000	-	QĐ 660 ngày 11/3/2025miễn học phí kỳ 2 NH 2024-2025 và kỳ 1 NH 2025-2026
5	DTS245D140201070	Nông Thị Hoài	16/10/2006	GD Mầm non K59B	1.590.000	5	7.950.000	5.565.000	2.385.000	QĐ 660 ngày 11/3/2025giảm học phí kỳ 2 NH 2024-2025 và kỳ 1 NH 2025-2026 (giảm 70%)
6	DTS245D140201102	Nguyễn Khánh Linh	06/06/2006	GD Mầm non K59B	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
7	DTS245D140201138	Nguyễn Công Quỳnh Như	24/11/2006	GD Mầm non K59B	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
8	DTS245D140202037	Phùng Thị Mỹ Dung	01/11/2006	GD Tiểu học K59 định hướng CLC	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
9	DTS245D140202063	Lê Thị Hiếu	16/09/2006	GD Tiểu học K59 định hướng CLC	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
10	DTS245D140202113	Lê Khánh Linh	09/12/2006	GD Tiểu học K59 định hướng CLC	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
11	DTS245D140202001	Nguyễn Ngọc An	08/06/2006	GD Tiểu học K59A	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
12	DTS245D140202155	Hà Thị Uyên Nhi	12/03/2006	GD Tiểu học K59A	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
13	DTS245D140202129	Chu Trà My	15/06/2006	GD Tiểu học K59B	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
14	DTS245D140202153	Cao Thị Yến Nhi	09/11/2006	GD Tiểu học K59B	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
15	DTS245D140247051	Nguyễn Thị Phương Thảo	04/02/2006	SP Khoa học tự nhiên K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
16	DTS245D140217028	Nguyễn Thu Huyền	17/09/2006	SP Ngữ văn K59B	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
17	DTS245D140210044	Lê Thị Hiền Mai	21/12/2006	SP Tin học K59B	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
18	DTS245D140231036	Trần Thu Hương	16/04/2006	SP Tiếng Anh K59B	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	



[Handwritten signature]

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành học	Mức HP/ tháng	Số tháng	Số Học phí phải nộp	Số HP được miễn giảm	Số học phí còn phải nộp kỳ 1 NH 2025-2026	Ghi chú
19	DTS245D140209035	Lâm Thị Thu Hà	23/02/2005	SP Toán học K59 định hướng CLC	1.590.000	5	7.950.000	7.950.000	-	QĐ 660 ngày 11/3/2025miễn học phí kỳ 2 NH 2024-2025 và kỳ 1 NH 2025-2026.
CỘNG							151.050.000	21.465.000	129.585.000	

Số tiền bằng chữ: Một trăm hai mươi chín triệu năm trăm tám mươi lăm ngàn đồng chẵn.

NGƯỜI LẬP



Trịnh Thị Thanh Vân

TRƯỞNG PHÒNG CT SINH VIÊN



PGS.TS Dương Ngọc Toàn

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH



PGS.TS Nguyễn Thanh Bình

Ngày 29 tháng 10 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG



PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Tư Quang Tân

DANH SÁCH SINH VIÊN KHOÁ 59 PHẢI NỘP HỌC PHÍ KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026 (KHOA TÂM LÝ GIÁO DỤC)

- Căn cứ theo QĐ 995/QĐ-ĐHSP ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN về việc Ban hành Quy định điều chỉnh mức thu học phí năm học 2023-2024; mức thu học phí từ năm học 2024-2025 đến năm học 2026-2027 của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành học	Mức HP/ tháng	Số tháng	Số Học phí phải nộp	Số HP được miễn giảm	Số học phí còn phải nộp kỳ 1 NH 2025-2026	Ghi chú
1	A	B	C	D	2	3	4=2*3	5	6=4-5	E
1	DTS245D140101001	Nguyễn Thị Ngọc Anh	11/10/2006	Giáo dục học K59	1.590.000	-	-		-	QĐ 2227 ngày 10/7/2025 Thôi học
2	DTS245D140101003	Trương Quỳnh Anh	23/03/2006	Giáo dục học K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
3	DTS245D140101002	Vũ Thị Lan Anh	07/12/2006	Giáo dục học K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
4	DTS245D140101004	Ngô Sỹ Bảo	18/12/2006	Giáo dục học K59	1.590.000	-	-		-	QĐ 3896 ngày 25/12/2024 Thôi học
5	DTS245D140101005	Trần Thị Kiều Chang	03/03/2006	Giáo dục học K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
6	DTS245D140101006	Phạm Văn Chí	17/10/2006	Giáo dục học K59	1.590.000	-	-		-	QĐ 3183 ngày 07/12/2024 Thôi học
7	DTS245D140101009	Nguyễn Quang Duy	09/06/2006	Giáo dục học K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
8	DTS245D140101007	Dương Thị Ngọc Đài	04/12/2006	Giáo dục học K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
9	DTS245D140101008	Nguyễn Văn Đức	17/11/2005	Giáo dục học K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
10	DTS245D140101010	Nguyễn Ngọc Hà	01/12/2006	Giáo dục học K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
11	DTS245D140101012	Nông Thị Bích Huệ	09/08/2006	Giáo dục học K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
12	DTS245D140101014	La Thị Hương	12/04/2006	Giáo dục học K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
13	DTS245D140101019	Nguyễn Thị Minh Lan	18/08/2006	Giáo dục học K59	1.590.000	-	-		-	Thôi học
14	DTS245D140101020	Hoàng Thị Lanh	24/09/2006	Giáo dục học K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
15	DTS245D140101022	Nguyễn Thị Phương Linh	28/08/2006	Giáo dục học K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
16	DTS245D140101024	Lý Thị Luyến	20/02/2006	Giáo dục học K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
17	DTS245D140101025	Nguyễn Thị Cẩm Ly	10/07/2006	Giáo dục học K59	1.590.000	-	-		-	QĐ 3409/QĐ-ĐHSP ngày 22/11/2024 thôi học
18	DTS245D140101028	Vương Lê Na	10/04/2006	Giáo dục học K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
19	DTS245D140101029	Trần Xuân Nghĩa	23/02/2006	Giáo dục học K59	1.590.000	-	-		-	QĐ 3040 ngày 23/10/2024 thôi học
20	DTS245D140101030	Hoàng Hoài Nhi	06/01/2006	Giáo dục học K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
21	DTS245D140101032	Hoàng Thị Phượng	12/05/2006	Giáo dục học K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
22	DTS245D140101035	Lãnh Minh Thao	11/08/2006	Giáo dục học K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
23	DTS245D140101034	Giàng Quang Thắng	01/05/2006	Giáo dục học K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	

Đỗ Văn B



STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành học	Mức HP/ tháng	Số tháng	Số Học phí phải nộp	Số HP được miễn giảm	Số học phí còn phải nộp kỳ 1 NH 2025-2026	Ghi chú
24	DTS245D140101037	Nguyễn Thu Thủy	12/02/2006	Giáo dục học K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
25	DTS245D140101040	Trần Thị Phương Thủy	11/01/2006	Giáo dục học K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
26	DTS245D140101038	Hoàng Thanh Thủy	22/11/2006	Giáo dục học K59	1.590.000	-	-		-	QĐ 3573 ngày 03/12/2024 Thôi học
27	DTS245D140101039	Hoàng Thị Thúy	05/07/2006	Giáo dục học K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
28	DTS245D140101045	Lê Phương Uyên	01/04/2006	Giáo dục học K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
29	DTS245D140101046	Nguyễn Thảo Vi	26/06/2006	Giáo dục học K59	1.590.000	-	-		-	QĐ 2225 ngày 30/07/2025 Thôi học
30	DTS245D140101048	Lý Đức Vinh	29/07/2006	Giáo dục học K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
31	DTS245D140101049	Lê Triệu Ái Vy	07/07/2006	Giáo dục học K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
32	DTS245D140101050	Nguyễn Hải Yến	18/07/2006	Giáo dục học K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
33	DTS245D310403004	Hoàng Hạnh Anh	19/02/2006	Tâm lý học GD K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
34	DTS245D310403001	Lê Quỳnh Anh	14/01/2006	Tâm lý học GD K59	1.590.000	-	-		-	QĐ 2615 ngày 4/9/2025 Thôi học
35	DTS245D310403007	Lê Thị Kim Anh	28/09/2006	Tâm lý học GD K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
36	DTS245D310403009	Lương Quỳnh Anh	18/05/2006	Tâm lý học GD K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
37	DTS245D310403010	Nguyễn Thị Minh Anh	26/07/2006	Tâm lý học GD K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
38	DTS245D310403006	Nguyễn Thị Phương Anh	31/03/2006	Tâm lý học GD K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
39	DTS245D310403003	Nguyễn Thị Vân Anh	26/02/2006	Tâm lý học GD K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
40	DTS245D310403005	Phạm Mai Anh	14/05/2006	Tâm lý học GD K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
41	DTS245D310403011	Ngô Thị Minh Ánh	15/04/2006	Tâm lý học GD K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
42	DTS245D310403012	Trần Thị Mỹ Dung	03/12/2006	Tâm lý học GD K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
43	DTS245D310403014	Triệu Trà Giang	20/09/2006	Tâm lý học GD K59	1.590.000	5	7.950.000	5.565.000	2.385.000	QĐ 3192 ngày 27/10/2025 giảm học phí NH 2025-2026 (giảm 70%)
44	DTS245D310403017	Hoàng Thị Hậu	17/08/2006	Tâm lý học GD K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
45	DTS245D310403018	Dương Thị Hiền	01/01/2006	Tâm lý học GD K59	1.590.000	-	-		-	Bảo lưu
46	DTS245D310403020	Nguyễn Quỳnh Hoa	09/11/2006	Tâm lý học GD K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
47	DTS245D310403025	Lưu Bảo Khánh	31/07/2006	Tâm lý học GD K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
48	DTS245D310403027	Phạm Thị Lan	20/09/2006	Tâm lý học GD K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
49	DTS245D310403028	Đào Thị Lệ	12/01/2006	Tâm lý học GD K59	1.590.000	-	-		-	QĐ 3574 ngày 03/12/2024 Thôi học
50	DTS245D310403029	Đỗ Thùy Linh	14/12/2006	Tâm lý học GD K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
51	DTS245D310403033	Vi Mai Ly	07/07/2006	Tâm lý học GD K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
52	DTS245D310403035	Trương Thị Mai	25/10/2006	Tâm lý học GD K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành học	Mức HP/ tháng	Số tháng	Số Học phí phải nộp	Số HP được miễn giảm	Số học phí còn phải nộp kỳ 1 NH 2025-2026	Ghi chú
53	DTS245D310403036	Bùi Tiến Mạnh	06/06/2006	Tâm lý học GD K59	1.590.000	5	7.950.000	5.565.000	2.385.000	QĐ 3192 ngày 27/10/2025 giảm học phí NH 2025-2026 (giảm 70%)
54	DTS245D310403038	Bùi Thị Trà My	12/08/2006	Tâm lý học GD K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
55	DTS245D310403037	Dương Thị Trà My	07/09/2006	Tâm lý học GD K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
56	DTS245D310403039	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	10/10/2005	Tâm lý học GD K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
57	DTS245D310403042	Phạm Như Quỳnh	18/11/2006	Tâm lý học GD K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	QĐ 2506 ngày 26/8/2025 quay lại học tiếp
58	DTS245D310403045	Nguyễn Phương Thảo	01/11/2006	Tâm lý học GD K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
59	DTS245D310403047	Bùi Thu Thủy	12/08/2006	Tâm lý học GD K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
60	DTS245D310403046	Bùi Hoài Thương	12/10/2006	Tâm lý học GD K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
61	DTS245D310403048	Nguyễn Phương Trang	16/05/2006	Tâm lý học GD K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
62	DTS245D310403049	Phạm Thị Việt Trinh	19/05/2006	Tâm lý học GD K59	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
63	DTS245D310403050	Vi Thị Tường	11/03/2006	Tâm lý học GD K59	1.590.000	5	7.950.000	7.950.000	-	QĐ 660 ngày 11/3/2025 miễn học phí kỳ 2 NH 2024-2025 và kỳ 1 NH 2025-2026
CỘNG							413.400.000	19.080.000	394.320.000	

Số tiền bằng chữ: Ba trăm chín mươi bốn triệu ba trăm hai mươi ngàn đồng chẵn.

NGƯỜI LẬP



Trịnh Thị Thanh Vân

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN



PGS.TS Dương Ngọc Toàn

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH



PGS.TS Nguyễn Thanh Bình

Ngày 29 tháng 10 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG 

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Từ Quang Tân

DANH SÁCH SINH VIÊN KHOÁ 60 PHẢI NỘP HỌC PHÍ KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026 DO KHÔNG NHẬN HỖ TRỢ THEO NGHỊ ĐỊNH 116/NĐ-CP

- Căn cứ theo QĐ 995/QĐ-ĐHSP ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN về việc Ban hành Quy định điều chỉnh mức thu học phí năm học 2023-2024; mức thu học phí từ năm học 2024-2025 đến năm học 2026-2027 của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành học	Mức HP/ tháng	Số tháng	Số Học phí phải nộp	Số HP được miễn giảm	Số học phí còn phải nộp kỳ 1 NH 2025-2026	Ghi chú
1	A	B	C	D	2	3	4=2*3	5	6=4-5	E
1	DTS255D140201226	Dương Thị Hoa	26/04/2007	GD Mầm non K60A1	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
2	DTS255D140201317	Nguyễn Ngọc Lan	23/11/2007	GD Mầm non K60A1	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
3	DTS255D140201840	Cù Thị Chúc	11/09/2007	GD Mầm non K60A10	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
4	DTS255D140201104	Hà Thị Kiều Diễm	17/10/2007	GD Mầm non K60A10	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
5	DTS255D140201344	Ma Thị Linh	09/08/2007	GD Mầm non K60A10	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
6	DTS255D140201644	Lâm Hoàng Thanh Thảo	27/01/2007	GD Mầm non K60A10	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
7	DTS255D140201913	Nguyễn Thu Phương	04/06/2007	GD Mầm non K60A2	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
8	DTS255D140201358	Lương Thị Mai Linh	11/02/2007	GD Mầm non K60A4	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
9	DTS255D140201402	Dương Thị Tuyết Mai	03/11/2007	GD Mầm non K60A4	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
10	DTS255D140201792	Ma Thị Xuân	03/12/2007	GD Mầm non K60A4	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
11	DTS255D140201143	Luân Thuỳ Dương	25/07/2007	GD Mầm non K60A5	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
12	DTS255D140201320	Vương Thị Lành	29/07/2007	GD Mầm non K60A5	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
13	DTS255D140201280	Đinh Thị Quỳnh Hương	10/05/2007	GD Mầm non K60A8	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
14	DTS255D140249011	Bàn Thị Minh Dịu	24/04/2007	SP Lịch sử - Địa lý K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
15	DTS255D140206009	Phạm Linh Chi	01/10/2007	GD Thể chất K60A2	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
16	DTS255D140217079	Ngô Phương Linh	02/11/2006	SP Ngữ văn K60A1	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
17	DTS255D140217225	Trần Tuyết Nhung	17/10/2007	SP Ngữ văn K60A1	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
18	DTS255D140217018	Tạ Thị Bình	11/04/2007	SP Ngữ văn K60A2	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
19	DTS255D140217037	Hoàng Linh Hạ	21/10/2007	SP Ngữ văn K60A3	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
20	DTS255D140217078	Dương Thị Linh	04/10/2007	SP Ngữ văn K60A3	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
21	DTS255D140231135	Ma Diệu Thảo	06/09/2007	SP Tiếng Anh K60A3	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
22	DTS255D140231095	Dương Thị Huyền Trang	24/08/2007	SP Tiếng Anh K60A3	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
23	DTS255D140218035	Nguyễn Hồng Phước	06/01/2007	SP Lịch sử K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
24	DTS255D140205022	Vì Thị Thu Giang	14/11/2007	GD Chính trị K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
25	DTS255D140205015	Đặng Thị Yên	05/11/2007	GD Chính trị K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	



Chức vụ

Chức vụ

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành học	Mức HP/ tháng	Số tháng	Số Học phí phải nộp	Số HP được miễn giảm	Số học phí còn phải nộp kỳ 1 NH 2025-2026	Ghi chú
26	DTS255D140202638	Bùi Hoàng Mai	27/02/2007	GD Tiểu học K60A3	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
27	DTS255D140202783	Nguyễn Thị Ý Nhi	17/11/2007	GD Tiểu học K60A4	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
28	DTS255D140202012	Bùi Ngọc Anh	06/09/2007	GD Tiểu học K60A5	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
29	DTS255D140202416	Nguyễn Hưng Phát	16/10/2007	GD Tiểu học K60A7	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
30	DTS255D140202654	Nguyễn Thị Thùy Trang	01/02/2007	GD Tiểu học K60A8	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
31	DTS255D140211031	Đỗ Thị Kim Ngân	10/01/2007	SP Vật lý K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
32	DTS255D140247083	Trương Thị Thu Phương	02/01/2007	SP Khoa học tự nhiên K60A2	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
33	DTS255D140213018	Hoàng Thị Thiên Hà	05/12/2007	SP Sinh học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
34	DTS255D140213043	Bùi Như Ngọc	16/07/2007	SP Sinh học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
35	DTS255D140210148	Luân Thị Nhật Lệ	27/11/2007	SP Tin học K60A1	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
36	DTS255D140210021	Đỗ Tiến Dũng	04/11/2007	SP Tin học K60A2	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
37	DTS255D140210057	Nguyễn Thị Thùy Linh	21/07/2006	SP Tin học K60A2	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
38	DTS255D140209025	Trần Phạm Mai Chi	09/04/2007	SP Toán học K60A2	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
39	DTS255D140209059	Nguyễn Thị Huyền	29/10/2007	SP Toán học K60A2	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
40	DTS255D140209180	Hà Mạnh Hưng	29/07/2007	SP Toán học K60A2	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
41	DTS255D140209068	Trương Xuân Lâm	16/12/2007	SP Toán học K60A2	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
42	DTS255D140209130	Nguyễn Thị Thanh Xuyên	12/11/2007	SP Toán học K60A2	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
CỘNG							333.900.000	-	333.900.000	

Số tiền bằng chữ: Ba trăm ba mươi ba triệu chín trăm ngàn đồng chẵn.

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG CT SINH VIÊN

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

Ngày 29 tháng 10 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Trịnh Thị Thanh Vân

PGS.TS Dương Ngọc Toàn

PGS.TS Nguyễn Thanh Bình

PGS.TS Từ Quang Tân

DANH SÁCH SINH VIÊN KHOÁ 60 PHẢI NỘP HỌC PHÍ KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026 (KHOA TÂM LÝ GIÁO DỤC)

- Căn cứ theo QĐ 995/QĐ-ĐHSP ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN về việc Ban hành Quy định điều chỉnh mức thu học phí năm học 2023-2024; mức thu học phí từ năm học 2024-2025 đến năm học 2026-2027 của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành học	Mức HP/ tháng	Số tháng	Số Học phí phải nộp	Số HP được miễn giảm	Số học phí còn phải nộp kỳ 1 NH 2025-2026	Ghi chú
1	A	B	C	D	2	3	4=2*3	5	6=4-5	E
1	DTS255D140101065	Trịnh Phương Anh	08/03/2006	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
2	DTS255D140101059	Hạng Thị Dung	03/12/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
3	DTS255D140101051	Nguyễn Anh Dũng	26/10/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
4	DTS255D140101067	Trần Bảo Đạt	07/09/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
5	DTS255D140101056	Trương Thị Hương Giang	11/02/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
6	DTS255D140101004	Nông Thị Hồng Hải	06/10/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
7	DTS255D140101069	Hà Hoàng Hải	19/08/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
8	DTS255D140101008	Mông Thị Diệu Huyền	14/09/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
9	DTS255D140101011	Nguyễn Trung Kiên	04/11/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
10	DTS255D140101012	Mùa Trung Kiên	30/04/2006	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
11	DTS255D140101014	Hà Quang Khải	20/10/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
12	DTS255D140101015	Giảng A Khà	21/06/2006	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
13	DTS255D140101017	Dương Thùy Linh	06/10/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
14	DTS255D140101018	Nông Thị Diệu Linh	13/01/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
15	DTS255D140101019	Lê Phương Linh	26/11/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
16	DTS255D140101023	Nông Thị Diệu Ly	03/03/2006	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
17	DTS255D140101025	Nịnh Thị Tuyết Mai	27/05/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
18	DTS255D140101026	Trần Quang Minh	07/05/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
19	DTS255D140101068	Bùi Thị Hồng Minh	12/08/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	



STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành học	Mức HP/ tháng	Số tháng	Số Học phí phải nộp	Số HP được miễn giảm	Số học phí còn phải nộp kỳ 1 NH 2025-2026	Ghi chú
20	DTS255D140101027	Vũ Thái Ninh	14/12/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
21	DTS255D140101029	Triệu Hoài Ngọc	26/04/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
22	DTS255D140101030	Phạm Trung Nguyên	21/11/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
23	DTS255D140101031	Hoàng Thị Minh Nguyệt	03/02/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
24	DTS255D140101062	Hứa Thị Bảo Nhi	22/11/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
25	DTS255D140101032	Nguyễn Thị Mai Phương	11/01/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
26	DTS255D140101033	Phạm Văn Quân	10/11/2005	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
27	DTS255D140101034	Nguyễn Minh Quân	19/02/2006	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
28	DTS255D140101052	Lê Ngọc Quỳnh	29/12/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
29	DTS255D140101036	Đặng Thị Thuý Tiên	04/06/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
30	DTS255D140101066	Bùi Hải Tịnh	22/10/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
31	DTS255D140101037	Triệu Tuấn Thanh	03/11/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
32	DTS255D140101039	Nguyễn Tiến Thành	18/07/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
33	DTS255D140101043	Phạm Thanh Thư	31/05/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
34	DTS255D140101070	Mai Thị Quỳnh Trang	02/08/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
35	DTS255D140101044	Và Kiến Trung	05/07/2006	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
36	DTS255D140101047	Hà Thị Phương Vy	26/01/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
37	DTS255D140101050	Trần Hải Yến	27/07/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
38	DTS255D310403001	Nguyễn Thái An An	17/12/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
39	DTS255D310403002	Nguyễn Bình An	12/10/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
40	DTS255D310403041	Nguyễn Hoài An	28/05/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
41	DTS255D310403073	Nguyễn Hoài An	18/06/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
42	DTS255D310403047	Ngô Phương Anh	22/11/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
43	DTS255D310403063	Nguyễn Thị Tuyết Anh	22/01/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành học	Mức HP/ tháng	Số tháng	Số Học phí phải nộp	Số HP được miễn giảm	Số học phí còn phải nộp kỳ 1 NH 2025-2026	Ghi chú
44	DTS255D310403072	Đặng Lan Anh	21/11/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
45	DTS255D310403003	Nguyễn Ngọc Ánh	30/11/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
46	DTS255D310403055	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	06/04/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
47	DTS255D310403004	Vũ Hoàng Ngọc Bích	04/12/2006	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
48	DTS255D310403005	Nguyễn Hà Minh Châu	04/09/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
49	DTS255D310403006	Vì Khánh Chi	13/05/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
50	DTS255D310403050	Lê Đặng Thùy Chung	24/02/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
51	DTS255D310403007	Nguyễn Thùy Dâng	26/02/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
52	DTS255D310403008	Nguyễn Kiều Diễm	06/12/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
53	DTS255D310403062	Nguyễn Mai Đan	19/10/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
54	DTS255D310403009	Nghiêm Phương Hạnh	01/01/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
55	DTS255D310403010	Nguyễn Thu Hiền	16/01/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
56	DTS255D310403071	Lý Thị Thu Hiền	11/05/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
57	DTS255D310403056	Long Vương Hiếu	08/08/2006	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
58	DTS255D310403049	Nguyễn Thị Hồng Hòa	08/05/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
59	DTS255D310403057	Nguyễn Thị Hoài	16/11/2006	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
60	DTS255D310403012	Đỗ Khánh Huyền	03/02/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
61	DTS255D310403046	Nguyễn Thị Thanh Huyền	01/05/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
62	DTS255D310403044	Phạm Thị Ngọc Khánh	22/08/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
63	DTS255D310403065	Lường Gia Khiên	16/07/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
64	DTS255D310403013	Nguyễn Thùy Linh	01/10/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
65	DTS255D310403070	Vũ Tô Gia Linh	30/10/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
66	DTS255D310403014	Triệu Nhất Long	26/07/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
67	DTS255D310403066	Nguyễn Vũ Tiến Lộc	02/05/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	

Handwritten signature/initials

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành học	Mức HP/ tháng	Số tháng	Số Học phí phải nộp	Số HP được miễn giảm	Số học phí còn phải nộp kỳ 1 NH 2025-2026	Ghi chú
68	DTS255D310403054	Nông Thị Khánh Ly	24/08/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
69	DTS255D310403043	Văn Thị Tuyết Mai	01/12/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
70	DTS255D310403018	Nguyễn Thị Mơ	10/11/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
71	DTS255D310403058	Lương Thị Bích Ngân	27/05/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
72	DTS255D310403061	Nguyễn Thị Ngân	16/04/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
73	DTS255D310403019	Lưu Thị Ánh Ngọc	16/01/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
74	DTS255D310403051	Bùi Thị Minh Ngọc	22/06/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
75	DTS255D310403021	Hoàng Thị Yến Nhi	08/01/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
76	DTS255D310403022	Nguyễn Ngọc Nhung	24/04/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
77	DTS255D310403023	Nguyễn Thị Phương	03/03/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
78	DTS255D310403024	Nguyễn Minh Phương	16/05/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
79	DTS255D310403025	Nguyễn Thị Ngọc Phượng	21/04/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
80	DTS255D310403042	Tổng Vệ Quốc	18/11/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
81	DTS255D310403026	Đoàn Như Quỳnh	06/02/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
82	DTS255D310403027	Ngô Thị Tâm	11/05/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
83	DTS255D310403028	Nguyễn Mạnh Toàn	27/03/2006	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
84	DTS255D310403067	Lý Anh Tuấn	04/06/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
85	DTS255D310403031	Nông Thị Thái	20/08/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
86	DTS255D310403053	Nguyễn Ngọc Thanh	19/05/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
87	DTS255D310403064	Lương Thị Thảo	09/04/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
88	DTS255D310403034	Nguyễn Thị Thơm	20/07/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
89	DTS255D310403035	Mai Thanh Thủy	26/01/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
90	DTS255D310403060	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	06/01/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
91	DTS255D310403036	Lê Thu Trang	20/04/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành học	Mức HP/ tháng	Số tháng	Số Học phí phải nộp	Số HP được miễn giảm	Số học phí còn phải nộp kỳ 1 NH 2025-2026	Ghi chú
92	DTS255D310403037	Lại Thị Thùy Trang	31/12/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
93	DTS255D310403038	Nguyễn Thị Kiều Trinh	18/11/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
94	DTS255D310403040	Đỗ Hải Yến	13/04/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
	CỘNG						747.300.000	-	747.300.000	

Số tiền bằng chữ: Bảy trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm ngàn đồng chẵn.

Ngày 29 tháng 10 năm 2025

NGƯỜI LẬP

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG







Trịnh Thị Thanh Vân

PGS.TS Dương Ngọc Toàn

PGS.TS Nguyễn Thanh Bình

PGS.TS Từ Quang Tân

DANH SÁCH SINH VIÊN KHOÁ 60 PHẢI NỘP HỌC PHÍ KỲ 1 NĂM HỌC 2025-2026 (NGÀNH HUẤN LUYỆN THỂ THAO)

- Căn cứ theo QĐ 995/QĐ-ĐHSP ngày 25 tháng 4 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - ĐHTN về việc Ban hành Quy định điều chỉnh mức thu học phí năm học 2023-2024; mức thu học phí từ năm học 2024-2025 đến năm học 2026-2027 của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành học	Mức HP/ tháng	Số tháng	Số Học phí phải nộp	Số HP được miễn giảm	Số học phí còn phải nộp kỳ 1 NH 2025-2026	Ghi chú
1	A	B	C	D	2	3	4=2*3	5	6=4-5	E
1	DTS255D810302003	Đặng Tuấn Anh	08/03/2006	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
2	DTS255D810302002	Hoàng Thị Kim Anh	03/12/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
3	DTS255D810302004	Nguyễn Công Đức Anh	26/10/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
4	DTS255D810302001	Nguyễn Lê Hoàng Anh	07/09/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
5	DTS255D810302046	Trần Thị Vân Anh	11/02/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
6	DTS255D810302005	Nguyễn Ngọc Bách	06/10/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
7	DTS255D810302006	Thái Hữu Bằng	19/08/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
8	DTS255D810302008	Mai Quang Bình	14/09/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
9	DTS255D810302007	Nông Quốc Bình	04/11/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
10	DTS255D810302041	Lục Hùng Cường	30/04/2006	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
11	DTS255D810302010	Lê Nguyễn Huy Dũng	20/10/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
12	DTS255D810302011	Lò Anh Dũng	21/06/2006	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
13	DTS255D810302012	Nguyễn Thị Duyên	06/10/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
14	DTS255D810302013	Trần Đại Dương	13/01/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
15	DTS255D810302014	Ma Thế Đan	26/11/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
16	DTS255D810302016	Nguyễn Ngọc Đức	03/03/2006	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
17	DTS255D810302015	Nguyễn Trần Tâm Đức	27/05/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
18	DTS255D810302017	Phùng Thị Hạnh	07/05/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
19	DTS255D810302018	Nông Ngọc Hiếu	12/08/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	

Đỗ Văn B



STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành học	Mức HP/ tháng	Số tháng	Số Học phí phải nộp	Số HP được miễn giảm	Số học phí còn phải nộp kỳ 1 NH 2025-2026	Ghi chú
20	DTS255D810302048	Phạm Thọ Hoàn	14/12/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
21	DTS255D810302019	Đinh Quốc Huy	26/04/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
22	DTS255D810302020	Nguyễn Quốc Hưng	21/11/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
23	DTS255D810302021	Ma Trọng Khang	03/02/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
24	DTS255D810302043	Hoàng Thị Ngọc Khánh	22/11/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
25	DTS255D810302042	Phùng Đức Khánh	11/01/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
26	DTS255D810302022	Vũ Bảo Khánh	10/11/2005	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
27	DTS255D810302023	Nông Tùng Lâm	19/02/2006	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
28	DTS255D810302049	Trần Thị Mai Linh	29/12/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
29	DTS255D810302024	Nguyễn Thành Long	04/06/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
30	DTS255D810302050	Nguyễn Đức Mạnh	22/10/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
31	DTS255D810302025	Nguyễn Hoài Nam	03/11/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
32	DTS255D810302045	Lương Đức Ninh	18/07/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
33	DTS255D810302026	Lô Văn Phú	31/05/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
34	DTS255D810302047	Hoàng Minh Quân	02/08/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
35	DTS255D810302027	Nguyễn Thị Lan Quỳnh	05/07/2006	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
36	DTS255D810302028	Hà Trần Sơn	26/01/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
37	DTS255D810302033	Nguyễn Trung Thế	27/07/2007	Giáo dục học K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
38	DTS255D810302044	Nguyễn Văn Thuận	17/12/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
39	DTS255D810302034	Ngô Anh Thư	12/10/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
40	DTS255D810302029	Lê Duy Toàn	28/05/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
41	DTS255D810302035	Hoàng Thanh Trúc	18/06/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
42	DTS255D810302031	Hoàng Anh Tuấn	22/11/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
43	DTS255D810302030	Lương Anh Tuấn	22/01/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	

STT	Mã số sinh viên	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Ngành học	Mức HP/ tháng	Số tháng	Số Học phí phải nộp	Số HP được miễn giảm	Số học phí còn phải nộp kỳ 1 NH 2025-2026	Ghi chú
44	DTS255D810302032	Nguyễn Minh Tùng	21/11/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
45	DTS255D810302036	Trần Bảo Uyên	30/11/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
46	DTS255D810302038	Hoàng Quốc Việt	06/04/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
47	DTS255D810302037	Vũ Tuấn Việt	04/12/2006	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
48	DTS255D810302039	Đào Công Vinh	04/09/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
49	DTS255D810302040	Bạch Đình Vỹ	13/05/2007	Tâm lý học GD K60	1.590.000	5	7.950.000		7.950.000	
	CỘNG						389.550.000	-	389.550.000	

Số tiền bằng chữ: Ba trăm tám mươi chín triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng chẵn.

NGƯỜI LẬP

Trịnh Thị Thanh Vân

PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

PGS.TS Dương Ngọc Toàn

PHÒNG KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH

PGS.TS Nguyễn Thanh Bình

Ngày 29 tháng 10 năm 2025

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Từ Quang Tân